

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5821	Phạm Thị Thuý		16/11/1971	270826836	kp 2, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5822	Phạm Nguyễn Khánh Duy	15/02/2010		còn nhỏ	kp 2, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5823	Phạm Văn An	13/03/1964			kp 2, TT. Trảng Bom	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5824	Lìn Sỹ		01/01/1932	272865090	kp 2, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5825	Nguyễn Thị Thao		01/01/1932	270418433	kp 2, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5826	Nguyễn Văn Tân	25/08/1970		270414301	kp 2, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5827	Nguyễn Thị Nức		20/01/1936	270425252	kp 2, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5828	Bùi Viết Lập	04/08/1975		271222148	kp 2, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5829	Vương Thành Hưng	08/03/2009		còn nhỏ	kp 2, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5830	Lê Văn Sa	25/06/1948		không có CMND	kp 2, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	600.000	
5831	Phan Văn Ninh	01/01/1937		271822217	kp 2, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5832	Đỗ Thị Đông		19/04/1951	270881438	kp 2, TT. Trảng Bom	cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5833	Nguyễn Hạ Nguyễn		20/03/1989	271822435	kp 2, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5834	Đinh Hoàng Việt Anh	05/04/2008		còn nhỏ	kp 2, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5835	Nguyễn Thị Gái		01/01/1953	270418416	kp 2, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5836	Vũ Văn Còn	01/01/1956		270411929	kp 2, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5837	Mã Thị Lên		01/01/1932	270434138	kp 2, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5838	Nguyễn Trương Gia Nghi		24/12/2008	còn nhỏ	kp 2, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5839	Phạm Thị Gái		01/01/1935	270434485	kp 2, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5840	Đào Thị Huế		08/02/1935		kp 2, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5841	Nguyễn Anh Tài	12/08/2008		còn nhỏ	kp 2, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5842	Phạm Thị Đệt		09/10/1955	270414294	kp 2, TT. Trảng Bom	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5843	Nguyễn Thị Hai		11/02/1936		kp 2, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5844	Nguyễn Thị Thông		01/01/1936	270424740	kp 2, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5845	Bùi Văn Tâm	09/12/1955		270425166	kp 2, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5846	Đặng Thị Ánh		01/01/1937	021005434	kp 2, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5847	Nguyễn Thị Bé		01/01/1937	271418422	kp 2, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5848	Bùi Thị Lang		01/01/1937	270427943	kp 2, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5849	Hà Văn Mạnh	01/01/1937		270434304	kp 2, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5850	Trần Thị Trung		01/01/1937	271065073	kp 2, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5851	Huỳnh Tấn Viễn	01/01/1968		270797666	kp 2, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5852	Nguyễn Phước Loan	01/01/1966		270644871	kp 2, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5853	Dương Thành Trung	31/05/1998		272756273	kp 2, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5854	Dương Thành Mừng	24/10/1966		270657590	kp 2, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	600.000	
5855	Phạm Thị Lan		17/11/1937	270435251	kp 2, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5856	Phạm Thị Mèo		01/01/1941	270427957	kp 2, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5857	Nguyễn Thị Miêng		01/01/1938	270418357	kp 2, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5858	La Ngọc Bình		01/01/1938	272394408	kp 2, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5859	Nguyễn Văn Rát	01/01/1938		270425712	kp 2, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5860	Hồ Kim Hương		01/01/1939	278434296	kp 2, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5861	Vũ Thị Mão		01/01/1939	270434384	kp 2, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5862	Cao Thị Bé		01/01/1942	270644461	kp 2, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5863	Hồ Thị Oanh		01/01/1940	272738991	kp 2, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5864	Lê Thị Trang		11/11/1939	270423276	kp 2, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5865	Nguyễn Liễu	01/01/1940		270427775	kp 2, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5866	Đoàn Công	04/02/1940		270663908	kp 2, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5867	Nguyễn Thị Hữu Hạnh		20/03/1972	2010259829	kp 2, TT. Trảng Bom	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5868	Nguyễn Thị Lân		01/01/1936	270418362	kp 2, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5869	Hà Văn Ôm	01/01/1930		27041843	kp 2, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5870	Nguyễn Văn Khang	01/01/1963		270418438	kp 2, TT. Trảng Bom	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5871	Đặng Văn Đức	01/01/1933		270424846	kp 2, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5872	Phan Thị Thái		01/01/1924	270434175	kp 2, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5873	Nguyễn Mộng Ngọc	01/01/1977			kp 2, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5874	Phan Quốc Anh	01/01/1991			kp 2, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5875	Đông Quốc Thái	16/03/1986			kp 2, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5876	Phạm Thế Duyệt	16/11/2004			kp 2, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5877	Vương Thành Trung	25/03/2002			kp 2, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5878	Chứng Xuân Nhi		14/03/1991		kp 2, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5879	Nguyễn Ngọc Phương Anh		02/11/2005		kp 2, TT. Trảng Bom	Trẻ em mồ côi từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi	450.000	1.500.000	
5880	Nguyễn Ngọc Minh Thư		24/10/2004		kp 2, TT. Trảng Bom	Trẻ em mồ côi từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi	450.000	1.500.000	
5881	Hồ Công Mùi		09/02/1959		kp 2, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5882	Huỳnh Thị Liên		01/01/1939	270797356	kp 2, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5883	Lê Văn Long	01/01/1979		270800562	kp 2, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5884	Nguyễn Văn Hoa	28/10/1928		270433851	kp 3, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5885	Phạm Văn Lâm	06/09/1974		271597033	kp 3, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5886	Dương Minh Chánh	19/07/1927		không có CMND	kp 3, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5887	Hoàng Ngọc Châu	02/02/1930		270433617	kp 3, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5888	Nguyễn Thị Nở		01/01/1931	không có CMND	kp 3, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5889	Lê Thị Phương Mai		17/07/1992	Khuyết tật	kp 3, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5890	Hàn Thị Lý		01/01/1931	272291913	kp 3, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5891	Lại Thị Tô		01/01/1933	272365755	kp 3, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5892	Trần Thị Thùy Trang		03/04/1968	không có CMND	kp 3, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5893	Nguyễn Văn Hoàn	07/08/1982		Khuyết tật	kp 3, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5894	Nguyễn Văn Sắc	25/12/1957		270408012	kp 3, TT. Trảng Bom	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5895	Trần Tuấn Khang	16/12/2008		còn nhỏ	kp 3, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5896	Trần Thị Kim Chi		16/12/1989		kp 3, TT. Trảng Bom	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5897	Phạm Nguyễn Thùy Lâm		18/03/2009	còn nhỏ	kp 3, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5898	Lăng Thị Cheng		01/01/1935		kp 3, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5899	Trần Thị Hạnh		01/07/1934		kp 3, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5900	Đỗ Văn Tiến	22/02/1978		113191225	kp 3, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5901	Vũ Thị Thảo		27/04/1937	270418394	kp 3, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5902	Đặng Thị Ty		01/01/1937	272461295	kp 3, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5903	Nguyễn Minh Sáng	01/01/1937		272461140	kp 3, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5904	Nguyễn Thị Lan		14/02/1978	272283960	kp 3, TT. Trảng Bom	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5905	Ngô Thị Chí		01/01/1939	272291704	kp 3, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5906	Trần Thị Thanh Thúy		20/07/1975	272531041	kp 3, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5907	Vũ Thị Sang		01/01/1933	276072395	kp 3, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5908	Nguyễn Văn Ky	10/10/1929		038029000155	kp 3, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5909	Nguyễn Văn Hoan	16/02/1977		151239119	kp 3, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5910	Lê Xuân Hòa	10/11/1938		170456005	kp 3, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5911	Phạm Hồng Lực	01/01/1968		270922451	kp 3, TT. Trảng Bom	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5912	Nguyễn Thị Thanh Sương		26/12/1983	271531727	kp 3, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5913	Ngô Hồng Thái	31/05/1998			kp 3, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5914	Lê Bá Bang	01/01/1958			kp 3, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5915	Lê Ngọc Yến Thu		25/12/1977	271560454	kp 3, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5916	Vũ Thị Sang		01/01/1933	276072395	kp 3, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5917	Lê Thị Cẩm Hằng		01/01/1988	272521817	kp 4, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5918	Lưu Thị Thìn		10/06/1938	271892384	kp 4, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5919	Phạm Thị Quế		01/01/1933	1800293938	kp 4, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5920	Nguyễn Văn Thỏa	30/05/1958		271646238	kp 4, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5921	Nguyễn Thị Vịn		01/01/1922	272216941	kp 4, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5922	Nguyễn Thị Xuân		04/07/1947	400934489	kp 4, TT. Trảng Bom	Người già cô đơn dưới 80 tuổi	450.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Tự cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5923	Nguyễn Thị Thủy		18/03/1958	271967194	Kp 4, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5924	Hồ Thị Thu Thủy		01/01/1965	272521825	Kp 4, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5925	Nguyễn Đoàn Đan Châu		24/09/1981	271567420	Kp 4, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5926	Đỗ Hoàng Nghĩa		02/09/1989	271952901	Kp 4, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5927	Lê Văn Xuân		01/01/1971	271938970	Kp 4, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5928	Nguyễn Thị Cù		01/01/1926	270657634	Kp 4, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5929	Lê Thị Hoa		12/04/1935		Kp 4, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5930	Phan Thị Thảo		01/01/1931	270435269	Kp 4, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5931	Nguyễn Thành Ngọ		01/01/1930	270432052	Kp 4, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5932	Nguyễn Thị Ri		15/10/1931	271892464	Kp 4, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5933	Ngô Thị Ngát		01/01/1961	271871643	Kp 4, TT. Trảng Bom	Người đơn thân thuộc hộ nghèo nuôi từ 01 con	600.000	1.500.000	
5934	Lương Thị Hoa		20/12/1961	272521821	Kp 4, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5935	Cao Thị Hào		09/12/1974	271121697	Kp 4, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5936	Nguyễn Phan Nhật Hưng		10/04/2011	còn nhỏ	Kp 4, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5937	Phan Thị Yên		02/02/1985	272532927	Kp 4, TT. Trảng Bom	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5938	Bùi Công Tuấn		01/01/1964	272532631	Kp 4, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5939	Lê Thị Thoi		01/01/1933	272559497	Kp 4, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5940	Nghiêm Thị Giót		03/02/1933	272380254	Kp 4, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5941	Nguyễn Vũ Văn Đức		16/03/2011	còn nhỏ	Kp 4, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5942	Nguyễn Duy Trường Giang		01/01/1969	271121694	Kp 4, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5943	Huyền Thị Bé		02/10/1950	272695940	Kp 4, TT. Trảng Bom	Người già có đơn dưới 80 tuổi	450.000	1.500.000	
5944	Nguyễn Ngọc Tuyên		01/01/1942	271033065	Kp 4, TT. Trảng Bom	Người già có đơn dưới 80 tuổi	450.000	1.500.000	
5945	Lê Văn Mười		01/01/1959	270432062	Kp 4, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5946	Nguyễn Châu Phương		15/12/1942	272432843	Kp 4, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5947	Trần Thị Lý		01/01/1935	150605861	Kp 4, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5948	Trần Thị Thái		01/01/1935	270644537	Kp 4, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5949	Vũ Nguyễn Minh Quân		05/03/2010	còn nhỏ	Kp 4, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5950	Nguyễn Thị Khánh Vân		07/09/1986	272460224	kp 4, TT. Trảng Bom	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5951	Nguyễn Thị Nguồn		12/06/1936	272531489	kp 4, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5952	Lê Thị Luận		20/01/1936	270435560	kp 4, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5953	Nguyễn Thị Biền		01/01/1937	270418967	kp 4, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5954	Hoàng Thị Bưởi		01/01/1937	250620664	kp 4, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5955	Lê Thị Loan		01/01/1937	271420192	kp 4, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5956	Trần Thị Hạnh		01/01/1926	272394451	kp 4, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5957	Lâm Thị Minh		01/01/1937	272217614	kp 4, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5958	Nguyễn Thanh Tùng	01/01/1937		270435085	kp 4, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5959	Nguyễn Thanh Quan	20/10/1970		270867228	kp 4, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5960	Mai Thị Xuyên		01/01/1937	270657794	kp 4, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5961	Nguyễn Gia Khánh	22/05/1997		272849659	kp 4, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5962	Nguyễn Thị Ngọc Chính		19/06/1987	271892149	kp 4, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5963	Vũ Thị Hiền		01/01/1939	270644759	kp 4, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5964	Nguyễn Chí Hiếu	11/09/2007		còn nhỏ	kp 4, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5965	Hoàng Xuân Bào	01/01/1939		271938282	kp 4, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5966	Nguyễn Trần Quỳnh Như		17/02/2015	còn nhỏ	kp 4, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5967	Trần Thị Thanh Nhang		20/01/1987	271700097	kp 4, TT. Trảng Bom	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5968	Lưu Hồ Lâm	01/01/1940		270725250	kp 4, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5969	Huỳnh Thị Tấn		01/01/1938	270434562	kp 4, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5970	Nguyễn Thị Sáu		01/01/1939	270603815	kp 4, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5971	Đỗ Ngọc Nga		29/10/1999		kp 4, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5972	Nguyễn Thị Thanh		16/10/1938		kp 4, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5973	Trịnh Công Luyện	20/02/1931		270656223	kp 4, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5974	Nguyễn Thị Mỹ Liên		20/04/1982	271443681	kp 4, TT. Trảng Bom	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5975	Đỗ Thị Hùy		01/01/1916		kp 5, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5976	Đặng Thị Ngọc Hà		07/06/1991	272532609	kp 5, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5977	Hồ Thị Huyền		01/01/1923	không có CMND	kp 5, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5978	Đổng Thị Len		01/01/1921	140430718	kp 5, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5979	Phạm Đăng Trường		06/07/1989	không có CMND	kp 5, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5980	Phạm Thu Hà		10/09/1995	không có CMND	kp 5, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật đặc biệt nặng	450.000	1.500.000	
5981	Vũ Hoàng Nam		29/05/2007	còn nhỏ	kp 5, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật đặc biệt nặng	750.000	1.500.000	
5982	Lê Thị Vinh		20/10/1976	272635101	kp 5, TT. Trảng Bom	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5983	Nguyễn Thị Lụa		01/01/1931	272073845	kp 5, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5984	Nguyễn Thanh Nam		16/06/1966	271887772	kp 5, TT. Trảng Bom	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5985	Dương Văn Quân		01/01/1972	Khuyết tật	kp 5, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5986	Phạm Quốc Việt		01/01/1960		kp 5, TT. Trảng Bom	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5987	Nguyễn Thị Hòa Hợp		10/04/1978	250537253	kp 5, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5988	Lê Hiến		01/01/1927	272624958	kp 5, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5989	Phạm Thị Quy		01/01/1929	không có CMND	kp 5, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5990	Nguyễn Thị Ai Cúc		18/02/1929	272460903	kp 5, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5991	Đỗ Thị Nam		29/11/1963	không có CMND	kp 5, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5992	Mai Thị Nhân		15/02/1930	272241505	kp 5, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5993	Tổng Nguyễn Thi		25/06/1927	182708700	kp 5, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5994	Đỗ Thị Thuý		12/02/1930	272432640	kp 5, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5995	Trần Thị Thanh Thuý		09/09/1992	272291691	kp 5, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5996	Nguyễn Ngọc Bảo Nhi		01/04/2008	còn nhỏ	kp 5, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5997	Nguyễn Thị Khuê		15/05/1932	270433485	kp 5, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5998	Phạm Ngọc Đan Thảo		12/12/1993	không có CMND	kp 5, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5999	Nguyễn Năm		01/01/1957	Khuyết tật	kp 5, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
6000	Nguyễn Thị Xiếu		14/05/1956	270419766	kp 5, TT. Trảng Bom	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
6001	Đinh Hồng Tú	23/07/2007		còn nhỏ	kp 5, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
6002	Trần Hải Hà Anh	05/01/1996		272493056	kp 5, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6003	Phan Thị Châu		01/01/1952	Khuyết tật	kp 5, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
6004	Lương Thế Triều	01/01/1937		271693781	kp 5, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
6005	Nguyễn Thị Hồng		01/01/1934	272581425	kp 5, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6006	Phạm Thị Nga		01/01/1934	271735355	kp 5, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6007	Ngô Hoàng Phong	21/12/2006		còn nhỏ	kp 5, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
6008	Nguyễn Đào Như Ái		05/03/1973	272106573	kp 5, TT. Trảng Bom	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
6009	Nguyễn Văn Phúc	20/08/1972			kp 5, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6010	Nguyễn Ngọc Ánh		29/08/2012	còn nhỏ	kp 5, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
6011	Nguyễn Thị Hương		24/07/1979		kp 5, TT. Trảng Bom	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
6012	Phạm Nguyễn Thanh Hà		11/11/2006	còn nhỏ	kp 5, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
6013	Trần Xuân Tốt	24/03/1967			kp 5, TT. Trảng Bom	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
6014	Bùi Sáu	01/01/1937		270604068	kp 5, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6015	Trần Thị Tài		01/01/1937	272291690	kp 5, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6016	Nguyễn Thị Thới		01/01/1937	271226538	kp 5, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6017	Vũ Thị Thơ		01/01/1937	272900209	kp 5, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6018	Lê Phương Bình	05/01/1986		271753338	kp 5, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6019	Nguyễn Quốc Huy	18/10/2014		còn nhỏ	kp 5, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
6020	Nguyễn Tiến Sinh	01/01/1971		271222172	kp 5, TT. Trảng Bom	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
6021	Lê Văn Dũng	05/12/1964		271567423	kp 5, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Tự cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
6022	Nguyễn Thị Triệu		01/01/1981	271412293	kp 5, TT. Trảng Bom	Người đơn thân thuộc hộ nghèo nuôi tên 01 con	600.000	1.500.000	
6023	Phạm Thị Sáu		11/10/1955	270657822	kp 5, TT. Trảng Bom	Người già cô đơn dưới 80 tuổi	450.000	1.500.000	
6024	Nông Thị Cẩm		01/01/1937	272307335	kp 5, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6025	Mai Tuấn Thiện		24/04/1963	270425372	kp 5, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6026	Nguyễn Thị Phương		07/10/1952	271938835	kp 5, TT. Trảng Bom	Người già cô đơn dưới 80 tuổi	450.000	1.500.000	
6027	Trần Khánh Linh		24/02/2017	còn nhỏ	kp 5, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
6028	Lê Thị Châu		01/05/1938	272851020	kp 5, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6029	Hoàng Thị Hiền		01/01/1977	272838271	kp 5, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6030	Bùi Thị Hồng Hạnh		13/05/1991	272073862	kp 5, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6031	Nguyễn Thị Huân		01/01/1962	272900548	kp 5, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6032	Nguyễn Mạnh Cường		20/11/1960	270438181	kp 5, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6033	Cao Thị Lương		07/05/1975	273607034	kp 5, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6034	Trương Thị Huệ		07/12/1939	180306036	kp 5, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6035	Nguyễn Xuân Nam		19/07/1980	271351031	kp 5, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6036	Lê Đình Phương		13/02/1969	205434650	kp 5, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6037	Lương Thị Láng		01/01/1947	276042912	kp 5, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
6038	Trần Thị Kỳ		20/05/1970	272580004	kp 5, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6039	Lê Thị Trông		10/08/1939	205882481	kp 5, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6040	Ngô Thị Bám		01/01/1940	272127492	kp 5, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6041	Lê Thị Sang		19/03/1935	270698148	kp 5, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6042	Hà Thị Duy		01/03/1926	181169419	kp 5, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6043	Hà Thị Năm		01/01/1932	270433552	kp 5, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6044	Nguyễn Thị Gián		01/01/1936	270447192	kp 5, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6045	Phạm Thị Ánh Huyền		22/11/1982	271443821	kp 5, TT. Trảng Bom	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
6046	Nguyễn Ngọc Giang		18/05/1983	271499559	kp 5, TT. Trảng Bom	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
6047	Phạm Thị Nhữ		01/01/1935	271987927	kp 5, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6048	Nguyễn Thị Phương Anh		19/04/1991	272106589	kp 5, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
6049	Trần Thị Huệ		01/01/1960	272153807	kp 5, TT. Trảng Bom	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
6050	Trần Trung Hòa	25/05/1980		272411738	kp 5, TT. Trảng Bom	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
6051	Vũ Văn Đại	14/10/1987		Khuyết tật	kp 5, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6052	Nguyễn Ngọc Trà My		25/03/2004		kp 5, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
6053	Phạm Thị Phương Thảo		25/10/2001		kp 5, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6054	Đào Thị Nhi		01/01/1965		kp 5, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6055	Vũ Thị Vạch		05/09/1927		kp 5, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6056	Phạm Thị Kề		15/02/1931		kp 5, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6057	Phan Thị Thiêm		27/05/1932		kp 5, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6058	Nguyễn Xuân An	12/08/1998			kp 5, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6059	Lương Thị Quỳ		24/06/1933		kp 5, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6060	Nguyễn Ngọc Kim Trang		26/01/2004		kp 5, TT. Trảng Bom	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
6061	Thái Thị Phụng		01/01/1930		kp 5, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6062	Nguyễn Văn Thi	22/10/1935			kp 5, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6063	Nguyễn Thị Ninh		01/01/1936	272963846	kp 5, TT. Trảng Bom	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6064	Nguyễn Ngọc Kim Liên		18/10/1990		ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6065	Nguyễn Văn Nam	24/01/1955		270434825	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
6066	Trần Như Ngà	01/12/1980			ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6067	Nguyễn Thị Hoa		10/05/1959	270421806	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
6068	Hoàng Duy Phong	07/02/1987			ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6069	Hoàng Ngọc Minh	01/12/1962		270421245	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
6070	An Thị Lư		01/01/1941	270434851	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người già cô đơn dưới 80 tuổi	450.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
6071	Nguyễn Thái Hiền	16/08/1992			ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6072	Vũ Thị Hạ		13/01/1970	271152882	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6073	Nguyễn Thúy Quyên		29/02/2000		ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6074	Nguyễn Thị Ngọc Ân		12/10/1997		ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6075	Nguyễn Thị Ngọc Bích		21/08/1978	271259779	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
6076	Trần Minh Thắng	31/01/2001			ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6077	Lăng Thanh Tuyền		20/11/1967	270866820	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
6078	Nguyễn Thị Hạt		01/01/1920		ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6079	Nguyễn Thị Tho		01/01/1920	270434874	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6080	Nguyễn Thị Viễn		01/01/1923	272182082	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6081	Bùi Văn Cương	16/09/1924		270422450	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6082	Chu Thị Ngân		01/01/1934	270423615	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6083	Nguyễn Thị Gấm		01/01/1923		ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6084	Nguyễn Hoàng Nam	01/10/1919		270686443	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6085	Phạm Hùng Mạnh	20/07/1994			ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6086	Nguyễn Kim Chi		27/03/1971	270866301	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
6087	Nguyễn Thị Tích		01/01/1924	220303041	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6088	Trần Thị Phiến		01/01/1933	27045668	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6089	Nguyễn Thị Duyên		15/12/1956	270456180	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
6090	Nguyễn Đình Thắng	01/01/1970			ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6091	Đinh Thị Phước		11/03/1956	270434927	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
6092	Nguyễn Thị Huệ		01/01/1975	273532265	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6093	Vũ Quang Minh	15/08/1968		270797207	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6094	Vũ Quang Bình	15/05/1967		270796338	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
6095	Vũ Quang Ánh	24/07/1965		270421878	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6096	Nguyễn Thị Thu Thủy		27/07/1963	270430408	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
6097	Nguyễn Văn Hiện	10/03/1956		270786367	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
6098	Nguyễn Văn Hồng	15/09/1925		270454161	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6099	Chu Quang Mão	01/01/1926		270456019	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6100	Chu Thị Hịu		01/01/1937	270456276	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6101	Ngô Thị Sen		01/01/1930	270454468	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6102	Vũ Đình Hoàng	01/01/1951		270421215	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
6103	Vũ Hiệp	10/09/1981		272222117	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6104	Dương Thị Hoàng Oanh		15/03/1985		Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6105	Nguyễn Thái Hải	15/07/1982			ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6106	Nguyễn Hoàng Vũ	26/02/1982		271491911	Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6107	Nguyễn Văn Hạnh	01/09/1955		270421980	Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
6108	Đỗ Thị Thanh Thùy		02/10/1977	271250530	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6109	Nguyễn Thị Thanh		27/12/1963	270454114	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6110	Nguyễn Xuân Linh	06/04/1962		k có	Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6111	Nguyễn Văn Đường	01/01/1944		270421452	Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
6112	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt		02/11/1976		ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6113	Vũ Văn Bình	08/09/1967		270761516	Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6114	Nguyễn Văn Ninh	01/01/1944		272432700	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
6115	Nguyễn Văn Nam	12/12/1955		270421530	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
6116	Nguyễn Thị Lữ		01/01/1946	270423732	Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
6117	Vũ Hoài Phong	23/04/1987		271823160	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6118	Vũ Đình Báu	07/08/1954		270686930	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
6119	Nguyễn Thị Hoa		10/01/1954	270454064	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
6120	Nguyễn Thị Tuyết		02/04/1962	k có	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6121	Nguyễn Thị Ngươi		17/03/1933	270686558	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6122	Nguyễn Thế Thành	15/08/1930		270686557	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
6123	Nguyễn Quốc Hùng	16/08/1980		k có	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6124	Nguyễn Lê Quỳnh Trâm		03/02/2004		ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
6125	Lê Thị Thúy Nga		01/01/1976		ấp An Bình, xã Trung Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
6126	Nguyễn Hữu Hiếu	02/09/1996		down	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6127	Chu Văn An	01/05/1976		271221144	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6128	Nguyễn Đức Tuấn	15/04/1976		271259809	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6129	Nguyễn Văn Hùng	31/08/1954		110491248	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
6130	Trần Thị May		01/01/1944	270456141	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người già có đơn dưới 80 tuổi	450.000	1.500.000	
6131	Trần Đình Tuấn	01/01/1949		272775091	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người già có đơn dưới 80 tuổi	450.000	1.500.000	
6132	Nguyễn Thị Hải		10/09/1927	270686924	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6133	Thân Thị Thuần		06/10/1930		ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6134	Phạm Đình Trục	01/01/1930		272240772	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHYT theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
6135	Nguyễn Thị Hương		01/01/1931	270424000	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6136	Nguyễn Thị Tờ		01/01/1930	270686713	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6137	Nguyễn Viết Anh	01/01/1930		270423479	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6138	Phạm Thị Hồ		01/01/1928	110459690	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6139	Bùi Thị Hoan		01/01/1930		ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6140	Hà Văn Mạo	15/09/1927		270434818	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6141	Nguyễn Văn Thứ	01/01/1929		270866398	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6142	Nguyễn Văn Vinh	01/01/1930		270686485	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6143	Nguyễn Thị Thục		01/01/1921		ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6144	Nguyễn Thị Tuyết		01/01/1930	270434804	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6145	Trần Văn Mây	08/07/1927		270430009	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6146	Lê Thị Dưa		10/05/1930	272410863	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6147	Phạm Thị Thật		01/01/1930	270430275	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6148	Phạm Văn Tuy	01/01/1930		270686541	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6149	Đỗ Thị Kinh		01/01/1933	270686510	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6150	Hoàng Thị Kỳ		01/01/1930	270466823	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
6151	Cao Thị Luật		01/01/1936	270421988	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6152	Nguyễn Lý	01/01/1930		270421832	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
6153	Trương Thị Lựu		02/02/1930	270421693	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6154	Nguyễn Thị Lịch		01/01/1930	270421561	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6155	Nguyễn Thị Hoa		01/01/1930	270866813	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6156	Tạ Thị Sen		28/06/1927		ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6157	Nguyễn Thị Nơi		01/01/1930	270456270	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6158	Nguyễn Thị Thứ		01/01/1930	270454432	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
6159	Hà Thị Ứng		01/01/1938	270434968	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6160	Nguyễn Văn Mắm	15/03/1935		270423655	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
6161	Nguyễn Thanh Duy	01/01/1968			ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6162	Nguyễn Thị Vòng		07/07/1931	270434952	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
6163	Nguyễn Văn Thực	10/11/1968		270796473	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6164	Trần Thị Hoa		01/01/1931	270454392	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
6165	Nguyễn Thị Ninh		11/08/1958	270796573	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
6166	Nguyễn Thị Như		12/02/1953	270454334	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
6167	Nguyễn Thị Diệu		01/01/1930		ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6168	Nguyễn Thị Côm		01/03/1930		ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6169	Trần Thị Tho		01/01/1931	272182128	Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6170	Phạm Thị Gấm		01/01/1931	160200259	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6171	Huỳnh Gia Minh	09/06/1930		270421318	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6172	Nguyễn Ngọc Dũng	26/12/1971		270866348	Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6173	Nguyễn Văn Doãn	13/03/1956		270686803	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
6174	Nguyễn Thị Cây		26/07/1956	270686795	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
6175	Trần Thị Tuyết		01/01/1948		ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
6176	Bùi Thanh Bạch	30/10/1989		271967945	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6177	Trần Văn Chư	01/01/1931		270686961	Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6178	Nguyễn Thị Nhung		01/01/1937	270686951	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6179	Lê Mỹ Anh	05/12/1932		271120656	Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6180	Tạ Thị Bích		20/09/1939	272240643	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6181	Nguyễn Thị Hòì		20/04/1932	272106829	Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6182	Nguyễn Thị Khương		01/01/1932	270454004	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
6183	Lương Thị Lựu		01/01/1932	110435353	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6184	Nguyễn Thị Mùi		01/01/1932	270867060	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6185	Nguyễn Văn Thế	20/03/1932		270456245	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6186	Nguyễn Thị Vân		01/01/1932	270421622	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6187	Nguyễn Thị Xa		14/07/1932	270454049	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6188	Dương Ngọc Gia Hân		14/04/2009		ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
6189	Dương Duy Bảo	11/04/1984		271562496	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
6190	Nguyễn Thị Nở		01/01/1937	270421831	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6191	Hoàng Thị Ngọc Yến		21/08/2000		ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6192	Nguyễn Minh Tuấn	19/05/1994		272240697	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6193	Trương Đức Hạnh	01/01/1979			ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6194	Trần Tuấn Anh	26/08/2003			ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6195	Trần Văn Cần	09/03/1981		90772085	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
6196	Nguyễn Phi Trường	10/04/2010			ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
6197	Nguyễn Thanh Tú	10/09/1984		271562421	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
6198	Vũ Hoàng Đức	26/06/2000			ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BTXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
6199	Hoàng Thị Thanh Xuân		18/12/1978		ấp An Bình, xã Trung Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
6200	Trần Thanh Tú	09/09/1981		271513579	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6201	Đinh Thị Phương		14/08/1932		ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6202	Nguyễn Duy Thoại	26/01/1984		271823020	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6203	Vũ Thị Hải		01/01/1933	270456217	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6204	Trần Thị Huệ		01/01/1933	270456152	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6205	Hà Văn Lợi	22/01/1933		270421418	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6206	Trần Thị Vinh		01/01/1936		ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6207	Phạm Văn Ngự	06/08/1933			ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6208	Nguyễn Thị Thận		01/01/1934	270430318	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6209	Bùi Văn Sách	13/10/1933		270454515	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
6210	Nguyễn Hữu Số	01/01/1933		270421515	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6211	Nguyễn Văn Tông	01/01/1933		270421896	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6212	Nguyễn Minh Phúc	02/03/2008			ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
6213	Nguyễn Văn Phụng	01/04/1973		271027383	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
6214	Đỗ Tráng Sĩ	03/08/1963		270430249	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
6215	Nguyễn Văn Sơn	12/04/1939		270454014	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
6216	Lê Thị Chiên		12/01/1935	270421654	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6217	Nguyễn Văn Viễn	01/01/1935		270456202	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6218	Đỗ Văn Ngự	14/05/1934		270421163	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
6219	Đỗ Văn Tiến	10/04/1957		270421365	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
6220	Đặng Văn Môn	02/08/1934		270423896	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
6221	Nguyễn Thị Gái		10/03/1934	272532918	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6222	Nguyễn Văn Toàn	01/01/1934		270423875	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6223	Nguyễn Thị Tâm		07/02/1934	270421415	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6224	Hà Thị Xuân		04/04/1934	272531314	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6225	Nguyễn Thị Can		01/01/1934	270686448	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6226	Hoàng Văn Sức	13/09/1954		270686923	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
6227	Võ Thị Phó		01/03/1932	251093387	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6228	Nguyễn Thị Thảo		01/01/1987		ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6229	Cao Thị Hòa		01/10/1964		ấp An Bình, xã Trung Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
6230	Trương Minh Thành	14/03/2010			ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
6231	Hoàng Thị Đến		01/01/1935	270522933	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6232	Nguyễn Văn Hạnh	01/01/1935		270434876	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6233	Nguyễn Thị Huyền		01/01/1935	270454424	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6234	Nguyễn Thị In		01/01/1935	270423599	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6235	Đinh Thị Soi		02/01/1935	270430055	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6236	Nguyễn Thị Toàn		01/01/1935	270454194	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6237	Nguyễn Thị Thái		01/01/1935	270423894	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6238	Trần Thị Thanh		01/01/1935	270454465	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6239	Nguyễn Thị Tròn		01/01/1935	270423877	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6240	Nguyễn Thị Khong		01/01/1935		ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6241	Nguyễn Thị Hành		01/01/1935		ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6242	Trần Thái Hoàng	14/09/1999			ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6243	Trần Văn Thìn	18/02/1964			ấp An Bình, xã Trung Hòa	Hệ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
6244	Nguyễn Văn Huyền	02/05/1935		270454280	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6245	Hoàng Thị Phương		16/10/1956		ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
6246	Nguyễn Thị Các		01/01/1936		ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
6247	Đàm Thị Chất		01/01/1936		ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6248	Nguyễn Văn Đức	01/01/1936			ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6249	Nguyễn Thị Hương		02/01/1936		ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6250	Nguyễn Văn Lạng	25/02/1936			ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6251	Nguyễn Thị Miến		01/01/1936		ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6252	Hà Thị Tươi		01/01/1936		ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6253	Nguyễn Công Ư	01/01/1936			ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6254	Nguyễn Thị Phái		16/03/1937	270423544	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6255	Nguyễn Thị Tuyền		12/08/1935	270423576	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6256	Vũ Thị Thuận		20/10/1935	272776664	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6257	Nguyễn Thị Kiểm		01/12/1935		ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6258	Nguyễn Thị Doan		04/03/1936	270454063	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6259	Vũ Thị Quý		03/08/1936	270430119	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6260	Nguyễn Thị Thao		25/03/1936	272410971	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6261	Đinh Thị Thu		05/12/1936	270605952	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6262	Nguyễn Duy Tân	05/03/2013			ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
6263	Nguyễn Quang Túy	01/09/1968			ấp An Bình, xã Trung Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
6264	Nguyễn Thị Thập		04/06/1936	270456174	Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6265	Nguyễn Thị Kiều		01/06/1937	270456182	Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6266	Nguyễn Thị Ba		01/01/1937	270434945	Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6267	Vương Thị Chi		01/01/1937	270454284	Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6268	Thân Văn Diễm	01/01/1937		270087005	Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6269	Nguyễn Thị Kinh		01/02/1937	270454553	Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6270	Nguyễn Văn Lâm	01/01/1937		270434871	Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6271	Nguyễn Thị Năm		01/01/1937	270423725	Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6272	Nguyễn Văn Lương	01/01/1937		270423660	Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6273	Kiều Thị Lưu		01/01/1937	270423880	Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6274	Tạ Quang Phú	07/03/1965		270430350	Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6275	Nguyễn Văn Thà	12/02/1937		270423878	Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6276	Hoàng Đức Thành	01/01/1937		270454425	Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6277	Đỗ Thị Vui		01/01/1937	270434840	Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6278	Hà Thị Xuyên		02/01/1937	270686581	Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
6279	Hoàng Thị Huệ		05/03/1937	270454153	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
6280	Trần Văn Lan	12/04/1937		270430057	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6281	Phạm Thị Nhiên		20/04/1937	270454150	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6282	Nguyễn Thị Hoa		01/01/1937	270423652	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6283	Nguyễn Thị Tám		10/06/1937	270421360	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6284	Nguyễn Văn Đoan	01/01/1939		270421350	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6285	Nguyễn Văn Còn	03/06/1937		270430137	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6286	Nguyễn Huy Hoàng	26/01/1998		272775101	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6287	Nguyễn Văn Hề	29/11/1966		270687583	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6288	Nguyễn Thị Mai		13/08/1937	270454558	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6289	Vũ Thị Nhi		15/08/1937	270421207	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6290	Nguyễn Thanh Nhâm	01/01/1972		270994680	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6291	Nguyễn Thị Miến		28/04/1923	110447148	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6292	Nguyễn Thị An		01/01/1938	270686484	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6293	Nguyễn Thị Tâm		03/11/1937	270423531	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6294	Trịnh Thị Lan		19/02/1938	270256177	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
6295	Nguyễn Thị Thành		01/01/1943	270686720	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
6296	Nguyễn Thị Tới		24/10/1949	270423965	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
6297	Nguyễn Văn Cự	01/03/1947			ấp An Bình, xã Trung Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
6298	Phan Thị Duqm		07/06/1939	270430253	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
6299	Nguyễn Văn Kỳ	10/09/1940			ấp An Bình, xã Trung Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
6300	Hà Thị Tố Uyên		14/08/2006		ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
6301	Nguyễn Thị Mận		01/01/1950	270423761	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
6302	Nguyễn Thị Cúc		25/12/1948	271179020	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
6303	Nguyễn Thị Phương		10/07/1958	270446655	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
6304	Phan năng Hòe	30/10/1940		270530019	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
6305	Phan Đức Huỳnh	17/12/1957			ấp An Bình, xã Trung Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
6306	Nguyễn Hữu Hiền	15/09/1938		272655230	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6307	Đào Văn Thảo	16/10/1938			ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6308	Nguyễn Thị Sánh		25/05/1952		ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
6309	Nguyễn Thị Nghĩa		01/01/1939	270423764	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6310	Trần Thị Cảnh		01/01/1939	270421578	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
6311	Trương Thanh Tài	01/01/1939		270430861	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6312	Nguyễn Thị Gái		04/08/1948	270110014	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
6313	Trần Thị Liêng		01/01/1939	270454396	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6314	Trần Bảo Khanh		01/01/1982		ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6315	Nguyễn Thị Lý		01/01/1959		ấp An Bình, xã Trung Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
6316	Nguyễn Văn Oanh	13/03/1939		270421416	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6317	Trần Thị The		01/01/1939	270456145	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6318	Nguyễn Thị Ngọc Mai		27/06/1969		ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6319	Trịnh Gia Bảo	15/04/2017			ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
6320	Trịnh Thị Phương Vi		19/12/1998	272603292	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
6321	Hà Quốc Vinh	06/09/1990		272044996	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6322	Trần Nguyễn Tường Vy		01/01/2011		ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
6323	Nguyễn Văn Ân	16/06/1955		270434823	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
6324	Ngô Thị Ngào		01/01/1939	270686751	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6325	Đào Khắc Hàm	01/01/1940		270272907	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6326	Nguyễn Văn Quý	01/01/1940		270423937	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHYT theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
6327	Phạm Thị Thơm		01/01/1940	270421792	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6328	Đinh Thị Hiền		01/01/1940	270454357	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6329	Nguyễn Thị Thứ		11/11/1939		ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6330	Nguyễn Trọng Hành		18/10/1945	270421133	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
6331	Vũ Thị Hồng		25/05/1964	270421192	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6332	Phan Minh Thu		02/06/2001	272900763	ấp An Bình, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6333	Nguyễn Văn Cản		01/01/1967		ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6334	Nguyễn Thị Hoa		01/01/1965		ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6335	Nguyễn Văn Minh		01/01/1970		ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6336	Nguyễn Thị Lý		07/09/1973		ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
6337	Đinh Quang Thống		25/05/1994		ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6338	Đinh Hữu Hội		20/09/1964		ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
6339	Trương Quang Linh		22/05/2000		ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6340	Nguyễn Thị Bích Suong		15/10/1976		ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6341	Đỗ Thành Thông		13/09/2001		ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6342	Nguyễn Thị Sò		10/08/1973		ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
6343	Nguyễn Thị Du		01/01/1920		ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6344	Võ Thị A		01/01/1934	270586119	ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6345	Lê Văn Năm	01/01/1926			ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6346	Trương Thị Na		01/01/1935	270438286	ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6347	Nguyễn Hồng Phương	29/04/1975		270643473	ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6348	Nguyễn Thị Muội		21/11/1978		ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
6349	Nguyễn Thị Đào		09/07/1927	270442604	ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6350	Bùi Thị Muộn		01/01/1930	270438140	ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6351	Hà Văn Giàu	01/01/1928		270447000	ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6352	Hồ Thị Ga		20/03/1935	270430857	ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6353	Nguyễn Thị Lang		01/01/1929	270446904	ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6354	Nguyễn Văn Còn	01/01/1930		270447044	ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6355	Trần Xế	01/01/1928		270447045	ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6356	Nguyễn Thị Tim		01/01/1931	270447042	ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6357	Nguyễn Văn Vệ	01/01/1927		270438081	ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6358	Nguyễn Văn Lân	01/01/1929		270447070	ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BTXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Tự cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
6359	Lê Văn Chắc	01/01/1927		270586110	ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6360	Nguyễn Thị Bốn		15/08/1926	270447047	ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6361	Phan Văn Dân	01/01/1931			ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6362	Phan Thị Năm		01/01/1936		ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6363	Ngô Tô Tỷ	01/01/1931		271152866	ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6364	Nguyễn Thị Tinh		13/05/1968	270796101	ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6365	Lê Thị Xê		01/01/1931	270447006	ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6366	Nguyễn Tiến Hưng	29/10/1975		271152886	ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6367	Trần Thị Văn		02/09/1933	272461586	ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6368	Phạm Thị Tuyết Yến		08/02/1937	270446975	ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6369	Phan Thị Thanh Trúc		11/03/1994	272461220	ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6370	Cao Văn Anh		24/12/1970		ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
6371	Huỳnh Thị Thanh Trà		22/10/2000		ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6372	Võ Thu Thủy		19/02/1982	271451980	ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6373	Đặng Duy Tấn	01/01/1955		271288016	ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
6374	Đặng Hữu Anh	02/04/1972			ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BTXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
6375	Nguyễn Thị Khi		01/01/1933	270446900	ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6376	Lê Thị Lân		12/06/1933	270446963	ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6377	Lê Thị Sáo		01/01/1926	140246665	ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6378	Nguyễn Thị Hóa		01/01/1959	272240813	ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
6379	Lại Thị Ngọc Bích		19/09/2013		ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
6380	Thái Thị Mỹ Hạnh		25/05/1991		ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
6381	Nguyễn Thanh Long	01/01/1972			ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6382	Nguyễn Thị Kiểm		01/01/1935	270447054	ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6383	Lê Văn Tô	10/05/1991			ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6384	Phạm Thị Hoa		01/01/1936		ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6385	Đặng Thị Chánh		06/05/1938	270430993	ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6386	Phan Thị Gái		02/02/1969	270994382	ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6387	Nguyễn Thị Ni		25/11/1936		ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6388	Nguyễn Tấn Bảo	17/10/1936		270447111	ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6389	Trần Thị Diệu		01/01/1937	270438011	ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6390	Lê Văn Ni	01/01/1937		270430876	ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Tự cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
6391	Đoàn Văn Thiện	1/1/1937		270693821	ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6392	Trần Thị Út		1/1/1937	270438394	ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6393	Phan Văn Thành	5/25/1976			ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
6394	Phan Chanh	1/1/1949			ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Hệ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
6395	Nguyễn Văn Hợp	2/22/1983		271938952	ấp Bàu cá, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
6396	Nguyễn Thị Sen		10/10/1937	270438015	ấp Bàu cá, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6397	Bồ Thị Hằng		3/3/1938	270893661	ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6398	Đinh Văn Oanh	1/1/1938		270447031	ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6399	Lưu Thị Huyền		2/26/1938	272775048	ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6400	Bồ Văn Ba	1/1/1945		270447105	ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
6401	Nguyễn Thị Thiết		5/20/1955		ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Hệ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
6402	Âu Thị Ngọc		1/1/1939		ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6403	Nguyễn Thị Tết		1/1/1939	270430981	ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6404	Nguyễn Thị Chuộc		9/3/1939	270693706	ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6405	Đỗ Thị Út		8/2/1955	270438054	ấp Bàu cá, xã Trung Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
6406	Lê Hồng	1/1/1940		270993588	ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
6407	Đỗ Ngọc Châu	1/1/1940			ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6408	Nguyễn Thị Ty		1/1/1940	270438085	ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
	Tổng							9.556.800.000	

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]

Nguyễn Hòa Hiệp

Số đối tượng:

Số tiền:

Bằng chữ:

6.480 đối tượng

9.556.800.000 đồng

Chín tỉ, năm trăm năm mươi sáu triệu, tám trăm ngàn đồng chẵn